

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2015
PHẦN I: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Dvt: đồng

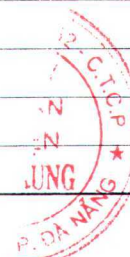
STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm (01/01/2015)	Số cuối kỳ (31/12/2015)
A	TÀI SẢN		
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	291.934.659.579	186.767.397.201
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.971.096.637	22.689.581.591
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	123.944.290.955	116.263.193.627
2.1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	120.368.260.967	110.478.237.192
2.2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.019.195.597	7.060.003.426
2.3	Các khoản phải thu khác	385.401.302	822.289.746
2.4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(828.566.911)	(2.097.336.737)
3	Hàng tồn kho	153.045.297.624	47.789.777.888
4	Tài sản ngắn hạn khác	9.973.974.363	24.844.095
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	24.432.116.024	16.068.314.862
1	Tài sản cố định	19.852.039.153	14.473.642.552
1.1	Tài sản cố định hữu hình	19.852.039.153	14.473.642.552
	- Nguyên giá	90.277.874.115	90.787.436.130
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(70.425.834.962)	(76.313.793.578)
1.2	Tài sản cố định vô hình	-	-
	- Nguyên giá	33.333.653	33.333.653
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(33.333.653)	(33.333.653)
2	Tài sản dở dang dài hạn	720.248.612	1.284.280.537
2.1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	720.248.612	1.284.280.537
3	Đầu tư tài chính dài hạn	2.052.373.745	51.348.610
3.1	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	3.774.439.303	1.774.439.303
3.2	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.722.065.558)	(1.723.090.693)
4	Tài sản dài hạn khác	1.807.454.514	259.043.163
4.1	Chi phí trả trước dài hạn	1.807.454.514	259.043.163
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	316.366.775.603	202.835.712.063
B	NGUỒN VỐN		
I	NỢ PHẢI TRẢ	264.711.285.480	150.009.169.951
1	Nợ ngắn hạn	254.456.156.762	140.634.485.230
1.1	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20.735.320.402	14.678.617.010
1.2	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.762.342.452	7.787.203.819
1.3	3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.156.008.892	6.318.757.165
1.4	4. Phải trả người lao động	1.663.025.145	5.232.539.144
1.5	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.076.172.090	5.266.156.055
1.6	9. Phải trả ngắn hạn khác	3.410.287.340	1.802.473.615
1.7	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	199.488.102.014	98.394.693.099
1.8	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	3.586.295.817	913.915.792
1.9	12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.578.602.610	240.129.531
2	Nợ dài hạn	10.255.128.718	9.374.684.721
2.1	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	332.000.000	-
2.2	12. Dự phòng phải trả dài hạn	9.923.128.718	9.374.684.721
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	51.655.490.123	52.826.542.112
1	Vốn chủ sở hữu	51.655.490.123	52.826.542.112
1.1	Vốn góp của chủ sở hữu	20.000.000.000	20.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	20.000.000.000	20.000.000.000
1.2	Vốn khác của chủ sở hữu	16.983.911.461	16.983.911.461
1.3	8. Quỹ đầu tư phát triển	10.743.246.341	10.743.246.341
1.4	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.928.332.321	5.099.384.310
	- LNST chưa phân phối kỳ này	3.928.332.321	5.099.384.310
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	316.366.775.603	202.835.712.063



PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	GHI CHÚ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.704.310.445	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	359.704.310.445	
4	Giá vốn hàng bán	327.818.480.149	
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.885.830.296	
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.018.683.549	
7	Chi phí tài chính	11.846.395.998	
	Trong đó: Chi phí lãi vay	11.798.925.637	
8	Chi phí bán hàng	- 3.122.691.147	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.726.639.241	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	6.454.169.753	
11	Thu nhập khác	142.875.012	
12	Chi phí khác	91.524.391	
13	Lợi nhuận khác	51.350.621	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.505.520.374	
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.406.136.064	
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.099.384.310	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/cổ phiếu)	2.550	



PHẦN III: CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Đvt: đồng

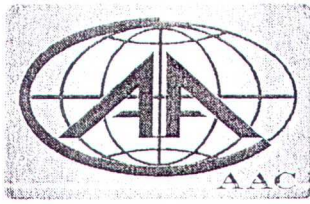
STT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Ghi chú
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu (%)	12,31%	
2	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản (%)	3,21%	
3	Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,84	
4	Hệ số thanh toán tổng quát (lần)	1,35	Tổng tài sản/ Nợ phải trả
5	Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	1,33	Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn
6	Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,99	(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 10 năm 2016

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Châu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 297/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05/03/2016, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

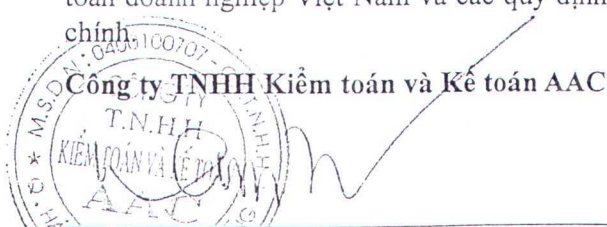
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Ngô Thị Kim Anh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1100-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2016